TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Việt Hưng
2. Bà: Hà Thị Lan
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Thành Công - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
- Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 239/2023/TLST - HNGĐ, ngày 19/7/2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐST - HNGĐ, ngày 31/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1986.
ĐKHKTT: Xóm D, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên
Bị đơn: Anh Lưu Hoàng L, sinh năm 1984
ĐKHKTT: Xóm D, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
(Chị C có mặt, vắng mặt anh L)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày: Tôi (C) xác định tôi kết hôn với anh Lưu Hoàng L, năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn tôi và anh L ở chung với gia đình nhà chồng. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 05 năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng vào khoảng tháng 8 năm 2010 là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp cách sống của nhau, chồng thì va vào các tệ nạn xã hội, dẫn đến việc vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù có được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không được. Cũng trong khoảng tháng 8 năm 2010 hai vợ chồng sống ly thân, tôi bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống kể từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xác

định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lưu Hoàng L.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là Lưu Mai H, sinh ngày 06/02/2008.

Khi ly hôn tôi và anh L đã tự thỏa thuận tôi được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lưu Mai H, sinh ngày 06/02/2008 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp tôi và anh L có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác. Anh L được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung tôi và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và anh L không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Lưu Hoàng L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Toà án đã tiến hành niêm yết công khai đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh L, đồng thời tiến hành xác minh tại gia đình anh L và được ông Lưu Sỹ M là bố đẻ của anh L cung cấp thông tin như sau: Anh L hiện tại đang đi làm, không biết địa chỉ cụ thể. Gia đình có nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh L nhưng anh L xác định không về và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thi C và anh Lưu Hoàng L, ông M cho biết: Gia đình tôi có tổ chức lễ cưới cho anh L và chị C, năm 2006. Anh L và chị C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu tự nguyện, gia đình tôi có tổ chức cưới hỏi theo phòng tục địa phương. Sau ngày cưới chị C về sống cùng gia đình nhà tôi. Đến khoảng năm 2010 thì vợ chồng L và C phát sinh mâu thuẫn do anh L vướng vào tệ nạn xã hội.

Về con chung: Vợ chồng anh L và chị chị C có 01 con chung là cháu Lưu Mai H, sinh ngày 06/02/2008. Trường hợp anh L, chị C ly hôn thì tôi tôn trọng nguyện vọng của cháu theo đơn cháu đã viết là được ở với mẹ.Về cấp dưỡng nuôi con chung anh L và chị C đã tự thỏa thuận với nhau tôi không có ý kiến gì khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị C sống cùng gia đình tôi không có tài sản chung và nợ chung.

Vì anh L phải đi làm ăn, không có mặt tại gia đình và địa phương, Tòa án gửi các văn bản tố tụng thì gia đình sẽ nhận thay và cam kết thông báo ngay cho anh L.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Trần Thị C được ly hôn anh Lưu Hoàng L.

+ Về con chung: Giao con chung Lưu Mai H, sinh ngày 06/02/2008 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét.

+ Về tài sản, nợ chung: Không xem xét.

+ Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Lưu Hoàng L cư trú tại xóm Dưới 2, xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày hôm nay vắng mặt phía bị đơn là anh Lưu Hoàng L lần thứ hai không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giải quyết vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị C và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, trước khi kết hôn có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị C và anh L có hạnh phúc, đến khoảng tháng 5 năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng vào khoảng tháng 8 năm 2010, nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh L mắc tệ nạn xã hội. Mặc dù hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không được. Vợ chồng chị C và anh L đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2010 đến nay không ai quan tâm đến ai và chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị C làm đơn xin ly hôn anh L. HĐXX thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị C được ly hôn anh L là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị C và anh L đều xác định vợ chồng có 01 con chung là: Lưu Mai H, sinh ngày 06/02/2008

Quá trình giải quyết vụ án, chị C có nguyện vọng nuôi con chung, phía anh L cũng nhất trí để chị C nuôi dưỡng con chung. Ý kiến của cháu H cũng có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do đó HĐXX xét thấy cần giao cháu H cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị C, anh L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Về quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung: Anh L được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

[4]. Về tài sản, nợ chung: Không có nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị C và L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị C. Cho chị Trần Thị C được ly hôn anh Lưu Hoàng L.

2. Về con chung: Giao con chung Lưu Mai H, sinh ngày 06/02/2008 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung khi ly hôn: Anh L được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí. Chị C phải chịu 300.000đ án phí LHST nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002580 ngày 19/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị C biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã V;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Kao Hoàng